TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 26-11-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lương Văn Mừng
2. Ông Lê Văn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quách Thị Y - Sinh ngày 10/6/1996
Địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện N - Thanh Hóa.
Có mặt.

Bị đơn: Anh Vi Đình N- Sinh ngày 07/7/1992
Địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện N - Thanh Hóa.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 23/7/2019* và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Quách Thị Y trình bày:

Chị và anh Vi Đình N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 27/02/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung

được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống, vợ chồng có nhiều quan điểm trái ngược nhau, tâm lý, tình cảm cũng không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên nghi kỵ, dẫn đến cãi vả, xúc phạm nhau. Anh N hay nghi ngờ và ghen chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên hay đánh đập, chửi bới chị; có lần anh N đã đánh chị phải nhập viện. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả. Không chịu được cuộc sống chung với anh N nên chị đã về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 6/2018 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống hôn nhân thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Vi Đình N.

Về con chung, chị Y trình bày: Chị và anh N có 01 con chung là Vi Đình L - Sinh ngày 11/11/2014. Hiện nay cháu L đang ở với anh N và phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ.

Tại phiên hòa giải ngày 23/10/2019, hai bên đã thỏa thuận: Anh N trực tiếp nuôi cháu L, chị (Y) cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N mỗi tháng 800.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 01/2020 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Chị Quách Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Chị Quách Thị Y đề nghị được chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Quách Thị Y còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; chứng minh nhân dân của anh N, chị Y và Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao có chứng thực); Giấy xác nhận địa chỉ của bị đơn; Trích lục khai sinh cháu L; Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án.

* *Tại văn bản về ý kiến của bị đơn ngày* 26/7/2019 và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vi Đình N trình bày:

Về hôn nhân: Anh công nhận cơ sở kết hôn và tình trạng nhôn nhân của anh và chị Y là đúng như chị Y đã trình bày. Anh xác định tình cảm vợ chồng đang còn. Những mâu thuẫn vợ chồng kể trên chỉ là mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng có thể giải quyết được. Trong thời gian tới, anh sẽ sửa đổi cách cư xử nóng tính và đánh vợ; đồng thời vận động để chị Y trở về đoàn tụ. Vì vậy, anh không đồng ý ly hôn chị Y.

Về con chung: Anh N thống nhất với lời trình bày của chị Y về số con chung của vợ chồng và trách nhiệm nuôi con chung. Theo đó, khi ly hôn, anh N trực tiếp nuôi cháu L, chị (Y) cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N mỗi tháng 800.000 đồng; thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 01/2020 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản và công nợ: Anh Vi Đình N không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Anh N thống nhất với đề nghị của chị Y về việc chị Y chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ngoài văn bản về ý kiến của bị đơn ngày 26/72019, anh Vi Đình N không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì khác.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án,* Tòa án nhân dân huyện Như Thanh đã đến địa phương và gia đình nơi anh N đang cư trú để xác minh về tình trạng hôn nhân của chị Y, anh N và về điều kiện nuôi con của anh N.

* *Tại phiên tòa*, chị Quách Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; chị không thay đổi những nội dung đã thỏa thuận được tại phiên hòa giải ngày 23/10/2019.

Anh Vi Đình N vẫn giữ nguyên quan điểm của mình về phần hôn nhân. Anh không thay đổi những nội dung đã thỏa thuận được tại phiên hòa giải ngày 23/10/2019.

Phần tranh luận:

- Chị Quách Thị Y phát biểu tranh luận: Mâu thuẫn giữa chị và anh N đã xảy ra từ lâu và ngày càng trầm trọng. Chị xác định không còn tình cảm với anh N nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

- Anh Vi Đình N đối đáp: Những mâu thuẫn giữa anh và chị Y chưa đến mức phải ly hôn. Mặt khác nếu vợ chồng ly hôn thì con chung của anh và chị Y (cháu Vi Đình L) sẽ đau khổ vì không được ở cùng cả bố và mẹ. Vì vậy anh đề nghị được đoàn tụ với chị Y.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Hôn nhân chị Quách Thị Y và anh Vi Đình N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung, anh N đã có hành vi bào lực gia đình đối với chị Y, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; đời sống hôn nhân thực tế giữa chị Y và anh N đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y về việc ly hôn anh N. Đối với các nội dung khác đương sự đã thỏa thuận được trước khi mở phiên tòa, đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của họ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là về ly hôn và trách nhiệm nuôi con chung; bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Như Thanh,

tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị Y và anh Vi Đình N tự nguyện kết hôn ngày 27/02/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Hôn nhân giữa chị Y và anh N đã đảm bảo điều kiện về độ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và phù hợp với các quy định khác của pháp luật nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Kết quả xác minh của Tòa án và lời khai của hai bên đương sự đều thể hiện: Trong quá trình sống chung, giữa chị Y và anh N không có sự tin tưởng, chia sẻ lẫn nhau; anh N đã có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập khiến chị Y phải đi điều trị vết thương tại bệnh viện, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Chị Y và anh N đã sống ly thân từ tháng 6/2018 nên đời sống hôn nhân thực tế đã không còn. Gia đình hai bên và Tòa án đã nhiều lần hòa giải, nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết, chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nghĩ nên giải quyết cho chị Y được ly hôn anh Nghĩ là phù hợp.

[3] Về con chung: Sự thống nhất giữa Chị Quách Thị Y và anh Vi Đình N về số con chung và tránh nhiệm nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Nghĩ cần công nhận sự thỏa thuận giữa chị Y và anh N về trách nhiệm nuôi con là phù hợp. Theo đó, giao cho anh N trực tiếp nuôi cháu L, chị Y cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N mỗi tháng 800.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2020 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản và công nợ: Chị Y và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ nên không xem xét.

[6] *Về án phí:* Sự thỏa thuận giữa chị Y và anh N về việc chị Y chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nên Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận của chị Y và anh N về phần án phí. Theo đó, chị Y chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình và 50% án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 235; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào: Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Quách Thị Y được ly hôn anh Vi Đình N.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Quách Thị Y và anh Vi Đình N; giao cho anh Vi Đình N trực tiếp nuôi con chung của chị Y và anh N là cháu Vi Đình L, chị Quách Thị Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N mỗi tháng 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2020 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Chị Y có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Công nhận sự thỏa thuận của chị Quách Thị Y và anh Vi Đình N: Chị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 450.000 đồng. Số tiền án phí chị Y phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2018/0006272 ngày 23/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa; chị Y nộp còn thiếu 150.000 đồng tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- UBND xã C;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Đình Huy